



VNU Journal of Foreign Studies

Journal homepage: <https://jfs.ulis.vnu.edu.vn/>



THE INFLUENCE OF HINDUISM TOWARDS INDIAN WOMEN'S LIFESTYLE FROM THE PERSPECTIVE OF RATIONAL CHOICE THEORY

Nguyen Minh Giang*

*University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City,
No.10-12 Dinh Tien Hoang, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam*

Received 14 May 2024

Revised 09 January 2025; Accepted 21 April 2025

Abstract: Hinduism and its cultural values are the key bases that determine longstanding lifestyles of Indian women. Through the rational choice theory, using interdisciplinary methods and systemic-structural methods, this article summarise and analyse the secondary qualitative data from the national and international journal articles that relate to Indian women's styles of studying, working, mental living, and behaviors in family, thereby, this article highlights the imprints of Hinduism towards Indian women's lifestyle, as well as the movement and adjustment of Hinduism itself to meet the demands of Indian women in particular, and the whole India in general.

Keywords: Hinduism, lifestyle, rational choice theory, women in India

* Corresponding author.

Email address: 21822904008@hcmussh.edu.vn

<https://doi.org/10.63023/2525-2445/jfs.ulis.5307>

ẢNH HƯỞNG CỦA HINDU GIÁO ĐỐI VỚI LỐI SỐNG CỦA PHỤ NỮ ẤN ĐỘ DƯỚI GÓC NHÌN CỦA LÝ THUYẾT LỰA CHỌN DUY LÝ

Nguyễn Minh Giang

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,
Số 10-12 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận bài ngày 14 tháng 5 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 09 tháng 01 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 4 năm 2025

Tóm tắt: Hindu giáo cùng với hệ giá trị văn hóa gắn liền với Hindu giáo là nền tảng tư tưởng quan trọng chi phối lối sống của phụ nữ Ấn Độ hàng nghìn năm nay. Dựa trên lý thuyết lựa chọn duy lý, bằng phương pháp tiếp cận liên ngành và phương pháp tiếp cận hệ thống - cấu trúc, bài viết tiến hành phân tích, tổng hợp dữ liệu định tính thứ cấp từ các bài báo đăng trên tạp chí khoa học trong nước và quốc tế liên quan đến học tập, lao động sản xuất, sinh hoạt tinh thần, và ứng xử trong gia đình của phụ nữ Ấn Độ để từ đó làm nổi bật ảnh hưởng của Hindu giáo đến lối sống của phụ nữ Ấn Độ, cũng như việc Hindu giáo đã tự thân vận động và biến đổi như thế nào để đáp ứng nhu cầu phát triển của phụ nữ Ấn Độ nói riêng và toàn bộ đất nước Ấn Độ nói chung.

Từ khóa: Hindu giáo, lối sống, lý thuyết lựa chọn duy lý, phụ nữ ở Ấn Độ

1. Mở đầu

Hindu giáo không chỉ là tôn giáo của đại đa số cư dân Nam Á nói chung mà còn là tôn giáo của đại đa số cư dân Ấn Độ nói riêng. Karl Marx đã từng nói: “Ấn Độ là xứ sở của tôn giáo, tôn giáo của tầng lớp đồng thời là tôn giáo của vũ nữ”. Hindu giáo là tôn giáo cổ xưa nhất và đặc biệt nhất Ấn Độ, không có người sáng lập, không có giáo chủ, giáo hội hay giáo điều duy nhất, Hindu giáo luôn tiếp thu và cải biến ảnh hưởng của các tôn giáo khác, tự biến đổi bản thân để đáp ứng nhu cầu của thời đại, tự thân vận động và phát triển để không xảy ra đứt gãy với ký ức lịch sử - văn hóa truyền thống. Để đối phó với khuynh hướng Islam giáo chống đối tín ngưỡng bản địa, Hindu giáo thời trung đại (thế kỷ X-XVIII) đã tìm cách đồng hóa, củng cố cá tính, dung hòa nhất nguyên luận tuyệt đối với nhị nguyên luận tương đối, và nhấn mạnh giá trị đạt tới giải thoát của Bhakti (đức tin) hơn cả Janna (tri thức) và Karma (hành động). Trong bối cảnh thời cận hiện đại, mối liên hệ ngày càng gia tăng với phương Tây về kinh tế và chính trị với thực dân Anh từ giữa thế kỷ XIX đã xuất hiện những phong trào cải cách Hindu giáo vận động chất lọc, phục hưng những giá trị đích thực cốt yếu của Hindu giáo, gạt bỏ những yếu tố hủ tục, lạc hậu, lỗi thời đã đặt nền móng tâm linh cho phong trào giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức bóc lột của thực dân Anh. Để giải thích những quyết định, hành vi, kiểu lựa chọn của con người như vậy cũng như việc người phụ nữ Ấn Độ lựa chọn thực hành lối sống chịu ảnh hưởng sâu đậm của Hindu giáo, không thể không nhấn mạnh đến động cơ hành động, những yếu tố bên ngoài, cũng như chính hệ giá trị văn hóa, mô thức văn hóa của nền văn hóa mà người phụ nữ đó là một thành viên. Đây đều là những yếu tố có tác động, ảnh hưởng đến kiểu lựa chọn, mô thức hành động, mô thức văn hóa của cá nhân (Lê Ngọc Hùng, 2008, tr. 355). Những lựa chọn của cá nhân như việc người phụ nữ Ấn Độ lựa chọn lối làm việc, sinh hoạt tinh thần tôn giáo - tín ngưỡng, hoạt động chính trị, và hoạt động công tác xã hội như thế nào cũng bị chi phối bởi những đặc thù và quy luật của bối cảnh xã hội, mà Hindu giáo cùng với hệ giá trị văn

gắn chặt với phụ nữ Ấn Độ truyền thống, từ đó, chỉ ra hiệu ứng kinh tế đi kèm với hiện tượng này thông qua tác động của việc xuất bản các cuốn tiểu thuyết trinh thám có nhân vật nữ chính làm công việc chính là thám tử. Kumar và cộng sự (2023) cũng như Mrinalini (2023) lại tập trung khắc họa vai trò và đóng góp của phụ nữ Ấn Độ (đặc biệt là những người nghệ giả¹ đã tham gia tích cực trong làn sóng đấu tranh giành độc lập đầu tiên ở Ấn Độ vào cuối thế kỷ 19) trong tương quan với bối cảnh cả chính quyền thực dân Anh và những nam trí thức, nam lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ đều phớt lờ hoặc hạ thấp, thậm chí lãng quên vai trò và đóng góp của các nữ nghệ giả đối với công chúng vì các quan điểm gia trưởng, dân tộc chủ nghĩa phụ hệ, dĩ Âu vi trung² sẽ mang lại nhiều hơn những lợi ích kinh tế, chính trị và cả tình dục cho các nam trí thức, nam lãnh đạo ở Ấn Độ. Trong khi đó, cũng trong tập 25 này, Nupur (2023) đã thông qua các bộ phim điện ảnh Bollywood để khẳng định tính khớp nối giữa chủ nghĩa dân tộc ở Ấn Độ với các giềng mối như tư tưởng “trọng nam khinh nữ” thể hiện qua việc sử dụng các diễn ngôn gắn liền các bộ phận cơ thể của người phụ nữ với các vai trò được nhân hóa của Tổ quốc, dân tộc, cũng như cho thấy một vài khoảnh khắc không khớp nối với tư tưởng “trọng nam khinh nữ” khi các diễn ngôn thách thức tư tưởng truyền thống bắt đầu xuất hiện nhiều hơn trong các phim điện ảnh nói về Mẹ Tổ quốc của người Ấn Độ. Kumari và Smita (2023) lại đi tái hiện hàng loạt cuộc xung đột giới, xung đột quyền lực, xung đột giai cấp, thậm chí cả quá trình sáng tạo truyền thống liên quan đến những gương mặt phụ nữ nổi bật trong văn học Ấn Độ đại diện cho mọi lứa tuổi, thế hệ.

Trong số 4812 bài báo khoa học thuộc danh mục SCOPUS nghiên cứu về phụ nữ Ấn Độ có 7 bài liên hệ đến yếu tố Hindu giáo. Trong đó, Nancy và Smita (2023) đã dựa trên nữ quyền luận để khám phá sự thay đổi quan hệ phụ thuộc giữa vợ-chồng trong xã hội Ấn Độ đương đại từ những lựa chọn, diễn ngôn và hành vi của các nhân vật trong tiểu thuyết Ấn Độ đương đại là phụ nữ nổi loạn, thách thức hệ thống đẳng cấp của Hindu giáo. Bhagabati và cộng sự (2021) lại đi tìm hiểu sự phản kháng của Hindu giáo khi tiếp xúc với Cơ Đốc giáo qua trường hợp của nữ tu người Ấn nhập cư nước Mỹ tên là Ramabai đã tìm mọi cách dung hợp Hindu giáo và Cơ Đốc giáo để lấy lòng nhà cầm quyền Mỹ và tranh thủ sự ủng hộ vật chất của các tín hữu người Mỹ cũng như những biến động chính trị xã hội của Ấn Độ dưới quyền cai trị của thực dân Anh để kích động phong trào nữ quyền ở Ấn Độ cuối thế kỷ 19. Alex (2020) lại xem xét cách phụ nữ ở Kerala (Nam Ấn) bị lợi dụng trong cuộc cạnh tranh chiến lược giữa cộng đồng ngư phủ Dheeveras và hệ thống đẳng cấp của Hindu giáo chính thống. Trong đó, những người phụ nữ Kerala đã bị gán cho khuôn mẫu không thua kém gì so với phụ nữ theo hệ thống đẳng cấp của Hindu giáo chính thống. Từ đó, cộng đồng ngư phủ Dheeveras cũng có địa vị chính danh không thua kém những người thuộc đẳng cấp không thể chạm tới theo hệ thống Hindu giáo chính thống. Das (2020) lại dựa trên cơ sở phân tích các diễn ngôn quảng cáo, diễn ngôn điện ảnh và diễn ngôn văn học để khám phá ảnh hưởng và mối liên hệ của chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa vị chủng, Hindu giáo và hệ thống đẳng cấp varna đến cách người chồng ứng xử với quyền của người vợ trong gia đình Hindu giáo. Borde (2019) lại xem xét quá trình tăng quyền tôn giáo - văn hóa (religious-cultural empowerment) cho phụ nữ tham gia vào một phong trào tôn giáo mới (Neo-religions) ở Ấn Độ như một cách thúc đẩy nâng cao hơn nữa vị thế, vai

¹ Nghệ giả là người được dạy dỗ, rèn giũa khắc nghiệt đầy đủ các kỹ năng về giọng hát, điệu múa, luyện tập đàn, chơi nhạc cụ và phải trang điểm, chải chuốt, thay quần áo xinh đẹp để sẵn sàng đến những phòng trà và buổi tiệc phục vụ khách thưởng thức nghệ thuật.

² Quan điểm dĩ Âu vi trung (Eurocentrism) hay còn gọi là Âu châu luận, là quan điểm coi châu Âu như một nền văn minh xuyên suốt chiều dài lịch sử với lợi thế độc đáo dẫn đến sự vượt trội vĩnh viễn so với tất cả các nền văn hóa khác, đề hạ thấp những thành tựu và đóng góp của các nền văn hóa khác, từ đó loại bỏ những mặt tối của lịch sử châu Âu và coi những mặt tối ấy chỉ là thông tin sai lệch, sai sự thật (dẫn theo Xypolia, 2016).

trò của phụ nữ vào các sinh hoạt cộng đồng ở Ấn Độ. Allocco (2013) lại dựa vào phương pháp phân tích nội dung văn bản và phương pháp điền dã dân tộc học để khám phá, giải thích sự khác biệt trong ứng xử của người trưởng thành và vị thành niên là phụ nữ đối với những thần Rắn naga được xem là có khả năng ảnh hưởng đến vận hạn con cái của các gia đình. Banerjee (2003) lại chỉ từ khía cạnh chính trị để khảo chứng quá trình dương tính hóa của chủ nghĩa dân tộc theo Hindu giáo ở Ấn Độ và cho thấy thực chất trong quá trình dương tính hóa đó vẫn tiềm ẩn rất nhiều hình ảnh biểu tượng văn hóa chính trị mang tính nữ được lồng ghép trong các diễn ngôn, sự kiện chính trị và chính những hình ảnh biểu tượng văn hóa chính trị nữ tính này là cánh cửa cho sự tăng quyền tham gia chính trị của phụ nữ Ấn Độ.

Theo Russel (2007) và Bùi Thế Cường (2010, tr. 355), lối sống là toàn bộ cách thức suy nghĩ, hành động và bày tỏ cảm xúc của con người được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ đó tạo nên bản sắc của cộng đồng sau một hành trình lịch sử nhất định. Bùi Thế Cường và cộng sự (2013) nhìn nhận lối sống với các thành tố cấu thành là văn hóa tiêu dùng, văn hóa giao tiếp, sinh hoạt tại các cơ sở thờ tự tôn giáo - tín ngưỡng, thể dục thể thao, du lịch, học tập, tham gia các hoạt động công tác xã hội, tình nguyện. Theo Hoàng Thị Thu Huyền và cộng sự (2019), lối sống được biểu hiện qua 5 hoạt động cấu thành cơ bản là: làm việc, tiêu dùng, sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng, thể dục thể thao, và các hoạt động công tác xã hội. Trên thực tế, các hoạt động này phản ánh cách thức suy nghĩ, hành động và bày tỏ cảm xúc của con người cũng như bản sắc của cộng đồng. Tuy nhiên, Hoàng Thị Thu Huyền và cộng sự (2019) không đề cập đến hai hoạt động là: du lịch và học tập. Liệu hai hoạt động này có phản ánh bản sắc của cộng đồng như các hoạt động khác cấu thành lối sống không? Trên thực tế, du lịch cũng là một hoạt động phản ánh bản sắc của cộng đồng, tuy nhiên, đây không phải là hoạt động tạo nên bản sắc của cộng đồng sau một hành trình lịch sử nhất định. Vì vậy, với cách hiểu lối sống như Russel (2007) và Bùi Thế Cường và cộng sự (2013, tr. 355), các thành tố đúng nhất của lối sống có lẽ chỉ bao gồm: hoạt động tiêu dùng, giao tiếp, sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng, thể dục thể thao và các hoạt động công tác xã hội. Đối với Lâm Thị Ánh Quyên (2018, tr. 32), lối sống lại là khuôn mẫu hành vi được hình thành trong quá trình xã hội hóa, và thể hiện sự khác biệt, bản sắc của cá nhân hoặc nhóm hoặc cả xã hội đó. Ở Nga, I.V. Bestujev lại cho rằng: "lối sống là phương thức hoạt động sống của con người, trong đó, các hoạt động sống quan trọng nhất làm nền tảng cho sự hình thành lối sống là lao động, sinh hoạt tinh thần, hoạt động chính trị, và hoạt động văn hóa xã hội" (Lê Như Hoa, 2003, tr. 19). Về thực chất, đây không chỉ là những hoạt động sống quan trọng nhất làm nền tảng hình thành lối sống, mà còn là những hoạt động góp phần tạo nên bản sắc của con người sau một quá trình lịch sử nhất định. Vì vậy, định nghĩa của Bestujev không chỉ không mâu thuẫn với Russel (2007) và Bùi Thế Cường (2010), mà còn bổ sung một hoạt động quan trọng cũng gắn liền với việc hình thành lối sống, tạo nên bản sắc của con người, đó là hoạt động chính trị. Trong khi đó, Dobrianov (1985, tr. 213) cho rằng lối sống là sinh hoạt chủ quan của tổng thể quan hệ xã hội và những điều kiện sống, được thể hiện trong hoạt động cá nhân của con người. Còn theo Phạm Hồng Tung (2007), lối sống là quá trình thực hành văn hóa thông qua tất cả những hoạt động sống của con người, được tiến hành bởi một bộ phận hoặc toàn thể nhóm người trong một khoảng thời gian tương đối ổn định trong mối tương tác biện chứng với điều kiện sống hiện tại cũng như điều kiện sống trong lịch sử. Từ góc độ triết học, Nguyễn Văn Huyền (2003, tr. 29) cho rằng lối sống là tổng thể toàn bộ các mô thức sống của con người thể hiện trong các phương thức hoạt động sản xuất, tiêu dùng, sinh hoạt tinh thần, và ứng xử giữa người với người, và với điều kiện sống. Về cơ bản, hoạt động sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng mà Russel (2007) và Bùi Thế Cường (2010) đã chỉ ra chính là một trong những hoạt động sinh hoạt tinh thần của con người theo cách gọi của Nguyễn Văn Huyền (2003), còn hoạt động giao tiếp và hoạt động công tác xã hội cũng chính là hai trong những

hoạt động ứng xử giữa người với người và với điều kiện sống theo cách gọi của Nguyễn Văn Huyền (2003).

Trở lại với 7 bài báo khoa học thuộc danh mục SCOPUS có từ khóa liên quan đến tôn giáo, cụ thể là Hindu giáo khi nghiên cứu về phụ nữ Ấn Độ, có thể thấy, sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng, làm việc (bao gồm cả học tập và du lịch), giao tiếp, và các hoạt động công tác xã hội chính là những nội dung quan tâm chủ yếu của các nhà nghiên cứu khi khám phá, lý giải về ảnh hưởng của Hindu giáo đến lối sống của phụ nữ Ấn Độ.

Nhìn chung, lối sống là một vấn đề mang tính liên ngành, liên quan trực tiếp đến cả kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo. Vì vậy, phương pháp tiếp cận liên ngành là hướng tiếp cận phù hợp nhất để lý giải các khía cạnh, nhân tố tác động đến lối sống. Ngoài ra, vì lối sống gồm các thành tố có quan hệ chặt chẽ với nhau (giao tiếp, tiêu dùng, lao động sản xuất, sinh hoạt tôn giáo - tín ngưỡng, hoạt động công tác xã hội), mỗi thành tố đều đóng vai trò, chức năng riêng biệt. Sự thay đổi của một trong các thành tố cấu thành lối sống đều có thể dẫn tới sự thay đổi lối sống, bản sắc văn hóa của cá nhân, nhóm hoặc toàn xã hội. Sự thay đổi của một trong bốn yếu tố (kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo) cũng kéo theo sự thay đổi lối sống của cá nhân, nhóm hoặc xã hội. Ngược lại, sự thay đổi lối sống của cá nhân, nhóm hay toàn thể xã hội cũng dẫn đến biến đổi kinh tế, chính trị, văn hóa, tôn giáo nói chung. Chính vì vậy, phương pháp tiếp cận hệ thống - cấu trúc cũng là một hướng tiếp cận quan trọng và cần thiết bên cạnh phương pháp tiếp cận liên ngành.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Hindu giáo ảnh hưởng lớn đến học tập và lao động sản xuất của phụ nữ Ấn Độ

Nghiên cứu của Ramachandran (2004) so sánh dữ liệu từ các bang khác nhau của Ấn Độ đã minh họa sự tác động lẫn nhau giữa đẳng cấp và phân biệt giới tính cũng như sự chênh lệch về không gian chuyển thành “hệ thống phân cấp khả năng tiếp cận” trong việc lựa chọn, tiếp cận việc làm. Các bé gái là đối tượng đầu tiên bị rút khỏi trường học khi chi phí học tập tăng lên, khi trường học đòi hỏi chi phí hoặc thời gian đi lại, khi gia đình mở rộng và có nhu cầu về lao động gia đình hoặc chăm sóc trẻ em (Bandyopadhyay & Subrahmanium, 2008). Các trường dòng và trường tư có học phí thấp đã được thúc đẩy mở ra để đáp ứng nhu cầu. Tuy nhiên, khi các gia đình nghèo phải trả tiền cho giáo dục, họ thường chọn đầu tư vào việc học của con trai hơn là con gái (Ramachandran, 2004).

Tỷ số giới tính giảm ở Ấn Độ được mô tả là dấu hiệu cho thấy gánh nặng công việc ngày càng tăng, mức dinh dưỡng và sức khỏe giảm sút, khả năng tiếp cận các nguồn lực và việc làm được trả lương của phụ nữ so với nam giới, tổng cộng là sự mất giá ngày càng tăng của phụ nữ theo thời gian so với đàn ông. Tỷ lệ tham gia lao động của phụ nữ đang giảm xuống³, điều này đáng lo ngại vì nó đưa ra một thông điệp mạnh mẽ rằng chính phụ nữ mới là người chăm sóc gia đình. Các chuyên gia cho rằng, khủng hoảng việc làm là một trong những lý do. Tuy nhiên, bên cạnh đó, còn có những lý do khác như: các chuẩn mực xã hội bảo thủ, do cả yếu tố bên cầu (cơ hội làm việc) và bên cung (sự sẵn sàng làm việc của phụ nữ), và do quan niệm truyền thống xưa cho rằng phụ nữ phải ở nhà chăm sóc gia đình. Nó có liên quan đến xu hướng

³ Theo một nghiên cứu của Đại học Azim Premji, năm 2004, khoảng 35% phụ nữ Ấn Độ đi làm, sự tham gia của phụ nữ vào thị trường việc làm Ấn Độ đã gia tăng đáng kể trong năm 2017- 2018, tỷ lệ tham gia của phụ nữ là 23,3%; trong khi trong giai đoạn 2022- 2023 là 37%. Tuy nhiên, đến năm 2022, số lượng phụ nữ Ấn Độ đi làm đã giảm xuống còn 25%. Trong đó, chỉ có 10% phụ nữ Ấn Độ trong độ tuổi lao động được tuyển dụng, thấp hơn nhiều so với nam giới (dẫn theo Ban Thời sự (11/04/2023)).

ưa thích con trai ngày càng tăng và việc bỏ bê con gái, những khía cạnh nổi lên từ việc duy trì và củng cố chế độ nam trị, "con gái là của nợ, là viên ngọc mà cha mẹ vay của nhà thông gia, đến khi nhà thông gia đòi là phải trả cho họ" (Cao Huy Đình, 1962, tr. 98). Amartya Sen cũng đã từng cho rằng vì tình trạng thiếu dinh dưỡng của bà mẹ liên quan đến định kiến giới đối với phụ nữ nên tất cả người Ấn Độ đã phải trả giá cho việc đối xử bất công với phụ nữ.

Theo Agarwal (1985), đất đai là nguồn lực sản xuất có giá trị nhất trong nền kinh tế sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, Nam Á lại nằm trong hệ thống nông nghiệp dành cho nam giới, là sản phẩm của chế độ phụ hệ đặc trưng với các hình thức phân biệt giới tính cực đoan theo truyền thống. Ở các bang miền Bắc Ấn Độ, vì Hindu giáo quan niệm phụ nữ luôn phải tồn tại phụ thuộc vào một người đàn ông, nên phụ nữ sẵn sàng từ bỏ quyền sở hữu đất đai, nhà ở và các tài sản khác của gia đình, nhờ đến sự hỗ trợ của anh em trai ruột để được giữ lại quyền thăm nom nhà cha mẹ đẻ. Phụ nữ Hindu giáo chỉ có thể thừa kế tài sản khi không còn đủ bốn thế hệ nam giới trong dòng dõi. Ngay cả khi được thừa kế tài sản, bao gồm quyền sở hữu đất đai, phụ nữ vẫn không có quyền thế chấp hoặc định đoạt tài sản theo Luật Thừa kế Hindu giáo năm 1956. Quyền thừa kế đất nông nghiệp của phụ nữ phụ thuộc vào luật sở hữu đất đai của từng bang ở Ấn Độ, mà hầu hết các bang chỉ ủng hộ quyền thừa kế tài sản, bao gồm quyền sở hữu đất đai cho nam giới. Mặc dù vậy, theo mô hình chế độ phụ hệ ở các bang miền Trung và Nam Ấn Độ như: Maharashtra, Andhra Pradesh, Tamil Nadu, và Karnataka vẫn quy định linh hoạt hơn so với các bang miền Bắc Ấn Độ. Ở các bang kể trên, luật thừa kế theo Hindu giáo đã cải biên để người con gái là người đồng sở hữu tài sản chung của gia đình.

3.2. Hindu giáo tác động đến sinh hoạt tinh thần tôn giáo - tín ngưỡng của phụ nữ Ấn Độ

Người theo đạo Hindu có nhiều hình ảnh đại diện cho Đấng tối cao mà họ chọn để thờ phượng. Họ cũng có nhiều thánh kinh. Không có con đường duy nhất dẫn đến sự cứu rỗi cho người theo đạo Hindu. Người theo đạo Hindu tin rằng linh hồn của một người có thể tái sinh nhiều lần trước khi đạt được giác ngộ, lúc đó linh hồn của một người hòa nhập với các lực lượng vũ trụ và bị loại bỏ. Các nghi lễ tái hòa nhập trật tự xã hội gia đình và cuộc sống cá nhân vào trật tự vũ trụ. Cái trần tục tạm thời được tiếp xúc với cái thiêng liêng hoặc được đưa trở lại chính nó một cách an toàn. Trong quá trình này, tính liên tục và vĩnh cửu được thể hiện. Các nghi lễ là trung tâm trong việc hình thành các khái niệm về bản thân.

Theo Mahapatra (2020), phụ nữ Ấn Độ có địa vị tương đối cao trong thời kỳ đầu Vệ Đà, cao hơn các nền văn minh đương thời ở Hy Lạp, La Mã. Các kiểu tóc, đồ trang trí, những bức tượng đất sét phụ nữ cũng cho thấy vai trò văn hóa xã hội nổi bật của họ trong xã hội Ấn Độ sơ kỳ Vệ Đà. Biểu hiện rõ nhất cho vai trò rất quan trọng của phụ nữ Ấn Độ sơ kỳ Vệ Đà chính là sự xuất hiện của các nữ thần tự nhiên và các nữ tư tế tại thời điểm đó. Mishra (2006) cũng cho rằng ở Ấn Độ sơ kỳ Vệ Đà, phụ nữ được hưởng một vị thế bình đẳng với nam giới trong mọi khía cạnh của cuộc sống. Có lẽ bởi vậy nên hình tượng nhất nguyên lưỡng tính, nhất nguyên lưỡng thể Ardhanarishwar rất được tôn sùng với quan niệm đàn ông và phụ nữ đại diện cho hai khía cạnh của một con người. Cũng theo Mahapatra (2020), Rig Veda cho phép phụ nữ tham gia các nghi lễ tôn giáo, tham gia hội đồng bộ lạc, được hưởng đầy đủ quyền và thường xuyên tham gia các nghi lễ tôn giáo cùng chồng. Phụ nữ cũng được tích cực tham gia các cuộc thảo luận tôn giáo. Không có giới hạn nào cấm phụ nữ đọc sách thiêng vào thời bấy giờ. Học thức, trí tuệ uyên thâm của phụ nữ Ấn Độ thời Vệ Đà được kể qua những câu thơ của các nữ thi sĩ Ghosha, Maitreyi, những câu chuyện triết học của nữ triết gia Lopamudra. Tuy nhiên, theo Mahapatra (2020), từ mạt kỳ Vệ Đà trở đi, do sự áp đặt chủ nghĩa khắc kỷ khổ hạnh của Brahmanism lên toàn bộ xã hội Ấn Độ cổ đại, do hệ thống đẳng cấp varna cứng nhắc, do sự thiếu hụt trầm trọng, suy giảm nghiêm trọng về số lượng cơ sở giáo dục cho phụ nữ, cũng như

do sự xuất hiện của các hình thức tổ chức gia đình ngoại bang nên đã dẫn đến tình trạng thấp kém của phụ nữ trong giai đoạn sau này.

Ấn Độ là nền kinh tế nông nghiệp tổ chức phương thức sản xuất theo kiểu gia đình tước đoạt sức lao động của phụ nữ, các tục lệ tang lễ mang tính tôn giáo dành cho người thân được nhiều người coi là rất quan trọng, và ít nhất theo truyền thống của đạo Hindu, con trai phải thực hiện những nghi lễ cuối cùng cho cha mẹ để đảm bảo sự giải thoát cho linh hồn ở thế giới bên kia. Những chuẩn mực này là một phần của một hiện tượng rộng lớn hơn trong xã hội Ấn Độ, nơi mà vì nhiều lý do lịch sử, xã hội, tôn giáo và kinh tế, các gia đình có xu hướng coi trọng con trai hơn là con gái - một phong tục được gọi rộng rãi là “trọng nam”. Gần đây, nhiều phụ nữ, trong đó có nữ diễn viên Mandira Bedi và các con gái của một cựu Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ, đã công khai thách thức những chuẩn mực này bằng cách tự tay thực hiện nghi thức đốt giàn thiêu cho những người thân đã qua đời.

3.3. Hindu giáo chi phối cách ứng xử và quan hệ trong gia đình của phụ nữ Ấn Độ

Ở Nam Á, nghi lễ và mối quan hệ họ hàng là không thể thiếu đối với hầu hết những người theo đạo Hindu, những người mà nghi lễ gia đình là trung tâm của niềm tin và thực hành tôn giáo. Các phân tích của Dumont (1966) về việc tuân thủ các vai trò nghi lễ trong các nghi lễ quan - hôn - tang chế đã cho thấy được tầm quan trọng của mối quan hệ thân thích và đẳng cấp trong việc sắp xếp quan hệ họ hàng (và các giới hạn của quan hệ họ hàng) có ảnh hưởng ở Nam Á nói chung, Ấn Độ nói riêng. Sự phân chia xã hội thành bốn đẳng cấp chính: Brahman, Ksatriya, Vaishya, Sudra và nhóm “những người nằm ngoài đẳng cấp” vốn là một điểm đặc trưng của Hindu giáo Ấn Độ. Trong Hindu giáo, đẳng cấp tăng lữ Balamôn là đẳng cấp cao nhất, được sinh ra từ miệng Sanura (Manu), “Balamôn được coi là thần trên mặt đất”, chủ trì chăm lo việc cúng bái, thao túng đời sống tinh thần thời cổ đại và trung đại. Với các kinh Upanishad, Hindu giáo chuyển sang một sự nhấn mạnh mới trên tầm quan trọng của tri thức như vấn đề trung tâm để thực hiện hòa đồng vũ trụ. Rời xa cuộc sống xã hội, tìm đến những trường học trong rừng sâu, và theo đuổi tri kiến cứu rỗi, đem đến sự giải thoát chính là chân lý đồng nhất cơ bản giữa Brahman (linh hồn vũ trụ) và Atman (linh hồn cá thể). Sử thi Sankrit Mahabharata và Ramayana cũng được xem là hai thánh kinh của Hindu giáo trình bày sự căng thẳng giữa mục đích bảo vệ, duy trì trật tự thế giới theo quan điểm Vệ Đà với mục đích từ bỏ xã hội, phấn đấu cho giải thoát cá nhân theo quan điểm Upanishad và đã cung cấp một số giải pháp hòa giải sự xung đột đó. Truyền thống sùng tín Hindu giáo ngày càng dâng cao, lan rộng trên toàn lục địa đã góp phần kêu gọi sự giao cảm trực tiếp giữa tín đồ và thần thánh. Theo đó, mặc dù các đẳng cấp sang hèn có thể có những vị trí và nhiệm vụ khác nhau nhưng đều có thể chia sẻ cùng một bốn phạm thiêng liêng là tin yêu, tôn kính và phụng sự Đấng tối cao. Đồng thời, với phong trào ngày càng dâng cao và như một hệ quả tất yếu, nhiệt tình xây dựng đền đài dâng cao ở khắp các địa phương. Tuy truyền thống Hindu tìm kiếm sự hòa giải mỗi căng thẳng giữa hai đòi hỏi trái nghịch đặt ra cho vận mệnh con người (dharma và moksha) theo những cách thức khác nhau nhưng đặc trưng chủ yếu của Hindu giáo không nằm trong những giải pháp hòa hợp được đưa ra mà thể hiện ở ý thức giác ngộ của những thế hệ tín đồ Hindu về dharma và moksha như một bốn phạm kép của nhân loại. Mặc dù đa số không thoát ly thế giới trần tục, vẫn hàng ngày hàng giờ thực hiện những trách nhiệm và vai trò xã hội nhưng gần như tất cả họ vẫn hướng về sự giải thoát cuối cùng được xem là tuyệt đích tâm linh, có thể không đạt được trong cuộc sống này nhưng cũng có thể đạt được trong một cuộc sống tương lai.

Hôn nhân theo đạo Hindu là một bước thiêng liêng trong quá trình phát triển tâm linh của mỗi người và không phải là một hợp đồng. Giống như Nữ thần Parvati, người vợ là ardhangini, một phần của người chồng. Không một nghi lễ tôn giáo nào có thể được thực hiện

bởi một người đàn ông mà không có vợ mình. Không một người đàn ông hay đàn bà nào có thể được coi là trọn vẹn nếu không có hôn nhân. Từ "vahara" có nghĩa là hôn nhân và cũng có nghĩa là duy trì Pháp hay sự đúng đắn. Mọi người đều thừa nhận rằng để có một cuộc hôn nhân thành công là điều khó khăn và đòi hỏi sự hy sinh cũng như sự thích nghi to lớn để phát triển tính cách. Người có gia đình là người thực hành đạo đức (Dharma) và kiếm được của cải vật chất (Artha), cho phép bản thân sống một cuộc sống tràn đầy tình yêu và nhục vọng (Kama) với người bạn đời trước khi đạt được sự giải thoát (Moksha). Do đó, giai đoạn thứ hai (Grihastha) được coi là giai đoạn quan trọng nhất trong bốn giai đoạn cuộc đời tín đồ đạo Hindu. Người có gia đình phải kiếm sống một cách chính trực và bằng phương tiện đúng đắn và đóng góp 1/10 số tiền mình kiếm được để làm từ thiện. Cuộc sống của người có gia đình đầy rẫy những nghĩa vụ xã hội và tôn giáo thách thức khả năng của họ, buộc họ phải cố gắng rất nhiều. Những thử thách và khổ nạn trong giai đoạn này nếu được đối mặt và vượt qua mà không đi chệch khỏi Pháp, sẽ giúp tín đồ Hindu giáo đó trở thành một con người siêu việt với sự hài hòa là chìa khóa thành công.

Theo truyền thống, con trai trưởng thành sống với bố mẹ và hỗ trợ tài chính cho gia đình. Trong khi đó, khi con gái lấy chồng, gia đình có thể phải trả của hồi môn. Quan niệm văn hóa và tôn giáo về trình tiết và khiết tịnh của con gái trong xã hội Ấn Độ liên quan trực tiếp đến danh dự và địa vị của một gia đình hoặc dòng tộc. Điều quan trọng là bất bình đẳng giới cũng thúc đẩy tảo hôn. Ở nhiều cộng đồng nơi tảo hôn được thực hiện, bé gái không được coi trọng bằng bé trai vì bị coi là gánh nặng hoặc hàng hóa (IPPF, 2006). Mặt khác, nỗi sợ hãi bị cưỡng hiếp và bạo lực tình dục, mang thai ngoài ý muốn, nỗi xấu hổ và ô danh gia đình, tình trạng vô gia cư, đói khát đều được các bậc cha mẹ và con cái cho biết là những lý do chính đáng cho việc kết hôn sớm (Gobster & Xiang, 2012). Người Ấn thích người vợ làm việc như nô lệ, luôn hết lòng với chồng, tôn thờ chồng như một vị thần, ăn sau chồng, rửa chân cho chồng đi làm về, đưa ghế cho chồng ngồi, đưa trà cho chồng ăn, quạt cho chồng mát, lo cơm nước như người mẹ, khuyên răn khi gặp khó khăn như người chị, người bà. Những người phụ nữ thường tạo thành một cộng đồng nữ giới trong nội bộ đại gia đình phụ hệ gọi là hạ văn hóa (sous-culture) (Nguyễn Tấn Đắc, 2000, tr. 100). Người Aryan thời Veda cũng mô tả trong các tác phẩm của mình như Rig Veda và Atharva Veda rằng của cải của một người đàn ông nên được gửi kèm theo để ông ta dùng vào kiếp sau, nhất là nếu chúng được thiêu cùng ông ta. Vợ ông ta chính là tài sản quý nhất và là nguồn vui của ông ta trên trần gian cho nên cô ta cần phải chết theo để phục vụ ông ta trong kiếp sau. Một lý do khác mà nhiều người ủng hộ hiến sinh góa phụ là người góa phụ có thể cư xử sai và khinh thường gia đình nếu cô ta có quyền sử dụng tài sản của chồng sau khi chồng chết. Việc phải chu cấp người góa phụ và muốn giành được tài sản khỏi tay người góa phụ cũng là lý do khiến có nhiều người ủng hộ luật hiến sinh góa phụ.

4. Kết luận

Hindu giáo là tôn giáo đã đồng hành cùng dân tộc Ấn Độ hàng nghìn năm lịch sử phát triển. Dấu ấn ảnh hưởng của Hindu cũng vì vậy đã để lại trên hầu khắp các lĩnh vực liên quan, chi phối đến lối sống của người Ấn Độ, từ lao động sản xuất, đến sinh hoạt tinh thần nói chung, sinh hoạt tôn giáo tín ngưỡng nói riêng, và đến cả cách giao tiếp, ứng xử trong các quan hệ xã hội của người Ấn Độ. Từ góc độ của lý thuyết lựa chọn duy lý, và bằng phương pháp nghiên cứu liên ngành cũng như phương pháp nghiên cứu hệ thống - cấu trúc, bài viết cho thấy vì nền kinh tế sản xuất nông nghiệp từ truyền thống đến hiện đại của Ấn Độ đều được xây dựng trên cơ sở bóc lột sức lao động, trong khi quan điểm Hindu giáo luôn "trọng nam" và gán cho người phụ nữ một khuôn mẫu xã hội chung, "khuôn vàng thước ngọc" là phải làm việc nội trợ của gia

đình, nên để tránh dư luận xã hội và định kiến xã hội, các công việc mà người phụ nữ Ấn Độ lựa chọn tham gia thường chỉ là những việc bán thời gian, thu nhập thấp. Đồng thời, vì truyền thống “trọng nam khinh nữ” của Hindu giáo đã bám rễ sâu gốc bền vào cội nguồn văn hóa Ấn Độ nên nạn tảo hôn và bạo lực, bất bình đẳng ở Ấn Độ cũng kéo dài dai dẳng cho đến tận ngày nay. Tuy nhiên, trước tác động của các yếu tố tiếp xúc, giao lưu kinh tế, văn hóa với phương Tây trong thời kỳ cận hiện đại, những biểu hiện của sự phản kháng, sáng tạo lại truyền thống bởi những người phụ nữ Ấn Độ đã xuất hiện ngày càng nhiều hơn, điển hình như việc phụ nữ có thể tự tay đốt giàn thiêu cho người thân quá cố của họ, hay việc phụ nữ đã có thể đồng thừa kế tài sản chung gia đình ở các bang miền Nam Ấn Độ. Để tránh hiện tượng đứt gãy văn hóa hoàn toàn đoạn tuyệt với quá khứ, chắc chắn về lâu dài, Hindu giáo sẽ tiếp tục phải tự biến đổi để thích ứng, đáp ứng với những nhu cầu mới của phụ nữ trong xã hội Ấn Độ đương đại.

Tài liệu tham khảo

- Agarwal, B. (1985). Women and technological change in agriculture: The Asian and African experience. In Ahmed (Ed.), *Technology and rural women*. George Allen and Unwin.
- Alex, D. R. (2020). From Untouchables to Vyasa's Clan: Fishermen's Reform Movement in Kerala. *South Asia Journal of South Asian Studies*, 43(2), 199–214. <https://doi.org/https://doi.org/10.1080/00856401.2020.1722409>
- Allocco, A. (2013). Fear, Reverence and Ambivalence: Divine Snakes in Contemporary South India. *Religions of South Asia*, 7(1-3), 230-248. <https://doi.org/https://doi.org/10.1558/rosa.v7i1-3.230>
- Bandyopadhyay, M., & Subrahmanium, R. (2008). Gender Equity in Education: A Review of Trends and Factors. In T. a. E. C. Consortium for Research and Educational Access (Ed.), *Monograph 18*. Centre for International Education, University of Sussex.
- Banerjee, S. (2003). Women's Studies International Forum Gender and nationalism: the masculinization of hinduism and female political participation in india *Women's Studies International Forum*, 26(2), 167-179.
- Bhagabati, D. S., Sinha, P., & Garg, S. (2021). Baptising Pandita Ramabai: Faith and religiosity in the nineteenth-century social reform movements of colonial India. *Indian Economic & Social History Review*, 58(3), 393-424. <https://doi.org/https://doi.org/10.1177/00194646211020307>
- Borde, R. (2019). New Roles for Indigenous Women in an Indian Eco-Religious Movement. *Religions* 10(10), 554. <https://doi.org/https://doi.org/10.3390/rel10100554>
- Bui, T. C. (2010). *Contributing to understanding social change in Vietnam today*. Social Sciences Publishing House.
- Bui, T. C. (2013). *Social structure, lifestyle and welfare of Ho Chi Minh City residents today*. Southern Institute of Social Sciences.
- Cao, H. D. (1962). *Kalidasa's Shakuntala*. Literature Publishing House.
- Das, D. (2020). Body, Boundaries and Sindoor Feminism in India. *South Asia: Journal of South Asian Studies*, 43(6), 1019–1040. <https://doi.org/doi:10.1080/00856401.2020.1816018>
- Dobrianov (1985). *Marxist sociology*. Theoretical Information Publishing House.
- Dumont, L. (1966). *Homo hierarchicus: Essai sur le système des castes*. Gallimard.
- Gobster, P. H., & Xiang, W. N. (2012). Progress and prospects. *Landscape and Urban Planning*, 105(1-2), 2-4. <https://doi.org/http://doi.org/10.1016/j.landurbplan.2012.01.010>
- Hoang, T. T. H. (2019). *Ho Chi Minh City Youth: Lifestyle and values of youth role models in the current context*. Youth Science and Technology Development Center
- IPPF (I Planned Parenthood Federation). (2006). *Ending Child Marriage*. http://www.unfpa.org/upload/lib_pub_file/662_filename_endchildmarriage.pdf
- Kumar, A., Malhotra, I., & Bali, R. (2023). The Changing Contours of the Indian Public Sphere: Courtesans, Culture, and the British Invasion of Oudh in Kenizé Mourad's *In the City of Gold and Silver*. *Journal of International Women's Studies*, 25(5). <https://www.scopus.com/record/display.uri?eid=2-s2.0-85165967123&origin=inward&txGid=a57e9718c55d79a2d655a17d9610dc15>
- Kumari, R., & Smita, J. (2023). Reinventing Marginalized Voices: A Study of Volga's *The Liberation of Sita and Yashodhara*. *Journal of International Women's Studies*, 25(5).

- <https://www.scopus.com/record/display.uri?eid=2-s2.0-85165951004&origin=inward&txGid=2cb6ff8ac1339777b8545ed5703953d0>
- Lam, T. A. Q. (2018). *Sociology of lifestyle*. VNU HCM Press.
- Le, N. H. (2003). *National identity in modern lifestyle*. Information - Culture Publishing House.
- Le, N. H. (2008). *History and theory of sociology*. Social Sciences Publishing House.
- Mahapatra, A. (2020). Research on gender equality and ancient Indian culture. *Religious studies* (198), 73-89.
- Mishra, R. C. (2006). *Women in India: towards gender equality*. Authorspace.
- Mrinalini, R. (2023). Why Ismat Chughtai Faced Trial: An Intersectional Reading of the Reception of “Lihaaf” in Colonial India. *Journal of International Women's Studies*, 25(5). <https://www.scopus.com/record/display.uri?eid=2-s2.0-85165968878&origin=inward&txGid=8fe57066b43bc26f4d6259ec1aa3f65c>
- Nancy, S., & Smita, J. (2023). Assertion or Transgression: A Critical Study of Surpankha as an Unwelcomed Girl Child in Kavita Kané's Lanka's Princess. *Journal of International Women's Studies*, 25(5). <https://www.scopus.com/record/display.uri?eid=2-s2.0-85165991457&origin=inward&txGid=5b82f65fefc6e928e44537ced68be3d4>
- Nguyen, T. D. (2000). *Indian culture*. Ho Chi Minh City General Publishing House.
- Nguyen, V. H. (2003). Vietnamese lifestyle under the impact of globalization today. *Philosophy*, 12, 29-34.
- Nupur, R. (2023). Masculinist Constructions of Nationalism in India: Gender, Body Politics, and Hindi Cinema. *Journal of International Women's Studies*, 25(5). <https://www.scopus.com/record/display.uri?eid=2-s2.0-85159820222&origin=inward&txGid=9fe4fe082cd1425bc441b282c3a1aeb1>
- Pham, H. T. (2007). Lifestyle research: some conceptual issues and approaches. *VNU Journal of Sciences*, 23.
- Ramachandran, N. (2006). *Women and food security in South Asia* World Institute for Development Economics Research, Helsinki.
- Ramachandran, V. (2004). *Gender and social equity in primary education: hierarchies of access* Sage.
- Russel, B. (2007). *Research methods in anthropology: qualitative and quantitative approaches*. VNU HCM Press.
- Somjeeta, P., & Somdatta, B. (2023). Deconstructing “The New Indian Woman”: An Analysis of the Sleuth Heroines of Indian English Women's Detective Fiction. *Journal of International Women's Studies*, 25(1). <https://www.scopus.com/record/display.uri?eid=2-s2.0-85150916290&origin=inward&txGid=c683311e06101470f8d3b9a171f16174>
- Xypolia, I. (2016). Eurocentrism and Orientalism. In H. S. S. Ray, J. Luis, V. Berlanga, A. Moreiras, & A. Shemak (Ed.), *Blackwell Encyclopedia of Postcolonial Studies*. Wiley-Blackwell.
- VTV (April 11, 2023). About 670 million Indian women are unemployed. *VTV Online*. <https://vtv.vn/the-gioi/khoang-670-trieu-phu-nu-an-do-khong-co-viec-lam-20230410202417366.htm>